VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2017*

THÔNG TƯ
Quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 (sau đây gọi là Luật ngân sách nhà nước 2015);

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là ngân sách cấp tỉnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Tài chính;

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân tỉnh);

3. Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh);

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Điều 3. Mục đích tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước

1. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương, đáp ứng các nhu cầu chi đột xuất khi ngân sách trung ương chưa tập trung kịp nguồn thu.

2. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và được ghi trong dự toán ngân sách hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng.

Điều 4. Điều kiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh

1. Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện và hoàn trả trong cùng năm ngân sách

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trong trường hợp giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh) về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước để thực hiện dự án;

b) Ngân sách cấp tỉnh không có dư nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn tại thời điểm đề nghị tạm ứng.

2. Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trong trường hợp giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh) về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước để thực hiện dự án;

b) Mức đề nghị tạm ứng phải nằm trong hạn mức dư nợ vay còn lại của ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước 2015 và các văn bản hướng dẫn;

c) Mức đề nghị tạm ứng phải nằm trong mức bội chi của ngân sách cấp tỉnh được Quốc hội quyết định hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015 và các văn bản hướng dẫn; đồng thời, phải đảm bảo giới hạn tỷ lệ các khoản vay bù đắp bội chi của ngân sách địa phương có thời hạn vay ngắn hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Ngân sách cấp tỉnh không có dư nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn tại thời điểm đề nghị tạm ứng.

Điều 5. Nguyên tắc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước

1. Việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước phải được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả; đảm bảo không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, chi trả của Kho bạc Nhà nước.

2. Việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước phải được cấp có thẩm quyền quyết định và tuân thủ các quy định của Luật ngân sách nhà nước 2015, các văn bản hướng dẫn và các quy định tại Thông tư này.

3. Tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Kho bạc Nhà nước cấp huyện không được tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách địa phương cũng như bất kỳ đối tượng khác trái quy định.

4. Mọi khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước phải được hoàn trả đầy đủ, đúng hạn, đúng quy định, trừ trường hợp được gia hạn tạm ứng do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

5. Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước sử dụng không đúng mục đích đã được phê duyệt sẽ không được tiếp tục rút vốn và bị thu hồi trước hạn.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Tạm ứng cho ngân sách trung ương

Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương căn cứ vào khả năng thu và nhu cầu chi của ngân sách trung ương, do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

2. Tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh

a) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện và hoàn trả trong cùng năm ngân sách: Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cụ thể cho từng ngân sách cấp tỉnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định;

b) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách

- Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước tối đa cho từng ngân sách cấp tỉnh không vượt quá hạn mức dư nợ vay còn lại của ngân sách cấp tỉnh và giới hạn tỷ lệ các khoản vay bù đắp bội chi của ngân sách địa phương có thời hạn vay ngắn hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Hạn mức dư nợ vay còn lại của ngân sách cấp tỉnh được xác định bằng chênh lệch giữa mức dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước 2015 và các văn bản hướng dẫn và tổng dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh tại thời điểm đề nghị tạm ứng, bao gồm tất cả các khoản vay của ngân sách cấp tỉnh, cụ thể: trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, vay của các tổ chức tài chính, tín dụng nhà nước theo các chương trình mục tiêu; tạm ứng ngân quỹ nhà nước và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật;

- Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cụ thể cho từng ngân sách cấp tỉnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 7. Quy trình, thủ tục tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Tạm ứng cho ngân sách trung ương

a) Khi phát sinh nhu cầu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách Nhà nước có công văn đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước trong đó nêu rõ mức đề nghị tạm ứng, mục đích tạm ứng và thời hạn tạm ứng;

b) Căn cứ công văn của Vụ Ngân sách Nhà nước, khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương, trong đó nêu rõ mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước, mục đích tạm ứng, thời hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thời hạn rút vốn ngân quỹ nhà nước và thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

c) Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Vụ Ngân sách Nhà nước lập 02 bản Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương.

2. Tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh

a) Khi phát sinh nhu cầu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh lập bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước gửi Bộ Tài chính gồm:

(i) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện và hoàn trả trong cùng năm ngân sách:

- Công văn đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ:

+ Mức đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước; mục đích sử dụng tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

+ Nguồn vốn để hoàn trả tạm ứng;

+ Thời gian hoàn trả tạm ứng;

+ Cam kết sử dụng các khoản tạm ứng đúng mục đích, hoàn trả tạm ứng chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 của năm phát sinh đề nghị tạm ứng và các cam kết khác.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trong trường hợp giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh) về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

- Danh mục các dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và được ghi trong dự toán ngân sách hàng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sử dụng nguồn tạm ứng ngân quỹ nhà nước, chi tiết theo tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, nguồn vốn thực hiện dự án, mức vốn đã bố trí cho dự án, phân bổ ngân quỹ tạm ứng;

(ii) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách:

- Công văn đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ:

+ Mức đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước; mục đích sử dụng tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

+ Tiến độ tạm ứng; nguồn vốn để hoàn trả tạm ứng; tiến độ hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

+ Hạn mức dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh; tổng dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh từ tất cả các nguồn đến thời điểm đề nghị tạm ứng, chi tiết theo từng nguồn;

+ Mức bội chi ngân sách cấp tỉnh của năm ngân sách đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Quốc hội quyết định; số đã vay bù đắp bội chi trong năm đề nghị tạm ứng chi tiết theo từng nguồn vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn;

+ Cam kết sử dụng các khoản tạm ứng đúng mục đích, hoàn trả tạm ứng đúng thời hạn và các cam kết khác.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (trong trường hợp giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh) về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

- Danh mục các dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và được ghi trong dự toán ngân sách hàng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sử dụng nguồn tạm ứng ngân quỹ nhà nước, chi tiết theo tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, nguồn vốn thực hiện dự án, mức vốn đã bố trí cho dự án, phân bổ ngân quỹ tạm ứng;

b) Căn cứ bộ hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước đầy đủ của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

c) Trường hợp chấp thuận tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh trong đó xác định rõ mức tạm ứng, mục đích tạm ứng, thời hạn tạm ứng, tiến độ rút vốn tạm ứng và thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Trường hợp không chấp thuận tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Bộ Tài chính có công văn trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, nêu rõ lý do.

d) Rút vốn tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh và nhu cầu sử dụng vốn của dự án, Sở Tài chính lập 02 bản Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo Mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn rút vốn. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh có nhu cầu rút vốn nhiều lần, Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho lần rút vốn cuối cùng phải được gửi cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày hết hạn rút vốn.

Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện giải ngân vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh khi có đủ các điều kiện sau:

- Đối với các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện và hoàn trả trong cùng năm ngân sách

+ Số đề nghị rút vốn phải nằm trong mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 của Thông

tư này. Trường hợp rút vốn nhiều lần, lũy kế số đã rút vốn và đề nghị rút vốn phải nằm trong mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

+ Thời hạn rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước đáp ứng quy định tại Điều 8 Thông tư này.

- Đối với các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách

+ Số đề nghị rút vốn phải nằm trong mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt và mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước tối đa tại thời điểm rút vốn tạm ứng theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Trường hợp rút vốn nhiều lần, lũy kế số đã rút vốn và đề nghị rút vốn phải nằm trong mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

+ Thời hạn rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước đáp ứng quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước không đảm bảo các điều kiện nêu trên, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh có công văn trả lời Sở Tài chính; đồng thời báo cáo Kho bạc Nhà nước (trung ương).

Điều 8. Thời hạn tạm ứng và thời hạn rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Thời hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước tối đa cho ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh) là 12 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Tài chính ký Quyết định phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

2. Thời hạn rút vốn đối với các khoản tạm ứng được Bộ Tài chính phê duyệt trong năm ngân sách chậm nhất là đến hết ngày 31 tháng 12 của năm ngân sách đó. Sau thời gian trên, khoản tạm ứng hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ.

Điều 9. Thu hồi tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Thu hồi tạm ứng cho ngân sách trung ương

a) Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương phải được hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp tồn quỹ ngân sách trung ương không đủ để hoàn trả trong năm ngân sách, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tạm ứng thuộc niên độ ngân sách năm sau để hoàn trả tạm ứng;

b) Căn cứ thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước quy định tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân

sách trung ương, Vụ Ngân sách Nhà nước bố trí nguồn ngân sách để hoàn trả tạm ứng đầy đủ, đúng hạn.

2. Thu hồi tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh

Căn cứ thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước quy định tại Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách để hoàn trả tạm ứng đầy đủ, đúng hạn.

Điều 10. Gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Gia hạn tạm ứng cho ngân sách trung ương

a) Trường hợp ngân sách trung ương có khó khăn, không bố trí được nguồn để hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn, chậm nhất 15 ngày trước ngày đến hạn hoàn trả tạm ứng, Vụ Ngân sách Nhà nước có công văn gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

b) Căn cứ công văn đề nghị gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Vụ Ngân sách Nhà nước, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc gia hạn tạm ứng. Thời gian gia hạn tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn hoàn trả và phải được hoàn trả trong năm ngân sách;

c) Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện gia hạn tạm ứng và thông báo bằng văn bản cho Vụ Ngân sách Nhà nước về việc khoản tạm ứng đã được gia hạn.

2. Gia hạn tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh

a) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện và hoàn trả trong năm ngân sách, ngân sách cấp tỉnh không được gia hạn tạm ứng;

b) Đối với tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách

- Trường hợp ngân sách cấp tỉnh có khó khăn, nguồn thu không đáp ứng đủ các nhu cầu chi theo kế hoạch, không bố trí được nguồn để hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn, chậm nhất 15 ngày trước ngày đến hạn hoàn trả tạm ứng, Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn đề nghị Bộ Tài chính gia hạn tạm ứng. Nội dung công văn nêu rõ:

+ Tình hình tạm ứng, hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

+ Hạn mức dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh; tổng dư nợ vay của ngân sách cấp tỉnh từ tất cả các nguồn đến thời điểm đề nghị gia hạn tạm ứng, chi tiết theo từng nguồn;

+ Mức bội chi ngân sách cấp tỉnh của năm ngân sách đề nghị gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước đã được Quốc hội quyết định; số đã vay bù đắp bội chi trong năm phát sinh đề nghị gia hạn tạm ứng chi tiết theo từng nguồn vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn;

+ Tình hình thu, chi ngân sách tỉnh và khả năng bố trí nguồn vốn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước;

+ Mức tạm ứng đề nghị được gia hạn, thời gian gia hạn, lý do của việc gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước và cam kết hoàn trả đúng hạn.

+ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh về việc gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

- Căn cứ công văn đề nghị gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách Nhà nước xem xét, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Trường hợp không chấp thuận gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Bộ Tài chính có công văn trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, nêu rõ lý do.

- Mỗi khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước chỉ được gia hạn 01 lần. Thời gian gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn hoàn trả tạm ứng.

Điều 11. Phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn

1. Phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn

a) Mức phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh áp dụng thống nhất là 0,21%/tháng (trên cơ sở một tháng có 30 ngày) tính trên số dư nợ tạm ứng và số ngày tạm ứng thực tế;

b) Mức phí tạm ứng quá hạn được tính bằng 150% mức phí tạm ứng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, được tính trên số dư nợ tạm ứng quá hạn và số ngày tạm ứng quá hạn.

Trường hợp khoản tạm ứng đã quá hạn nhưng được Bộ trưởng Bộ Tài chính gia hạn thì được áp dụng mức phí quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này cho đến hết thời gian được gia hạn.

2. Thanh toán phí

a) Phí tạm ứng được thanh toán định kỳ hàng tháng cho Kho bạc Nhà nước chậm nhất vào ngày 10 của tháng liền kề sau tháng phải trả phí và được xác định như sau:

$$\text{Phí tạm ứng} = \text{Số dư nợ tạm ứng} \times \frac{0,21\%}{30} \times \text{Số ngày tạm ứng thực tế trong tháng}$$

Trong đó, số ngày tạm ứng thực tế trong tháng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) được tính từ ngày rút vốn (đối với kỳ tính phí tạm ứng đầu tiên) hoặc ngày đầu tiên của tháng (đối với các kỳ tính phí tạm ứng tiếp theo) đến hết ngày cuối cùng của tháng tính phí hoặc ngày liền kề trước ngày hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước (đối với kỳ tính phí tạm ứng cuối cùng). Trường hợp khoản tạm ứng phát sinh phí tạm ứng quá hạn, đối với kỳ tính phí tạm ứng cuối cùng, số ngày tạm ứng thực tế trong tháng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) được tính từ ngày đầu tiên của tháng đến hết ngày đến hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định.

b) Phí tạm ứng quá hạn được thanh toán một lần cho Kho bạc Nhà nước khi thu hồi khoản tạm ứng quá hạn và được tính như sau:

$$\text{Phí tạm ứng quá hạn} = \text{Số dư nợ tạm ứng quá hạn} \times \frac{0,21\%}{30} \times 150\% \times \text{Số ngày tạm ứng quá hạn}$$

Trong đó, số ngày tạm ứng quá hạn (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) được tính từ ngày liền kề sau ngày đến hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định (trường hợp không được gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước) đến hết ngày liền kề trước ngày hoàn trả khoản tạm ứng quá hạn.

Điều 12. Hạch toán kế toán và chế độ báo cáo

1. Hạch toán kế toán

a) Các khoản tạm ứng, hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước được hạch toán theo chế độ kế toán ngân sách nhà nước;

b) Các khoản phí tạm ứng (gồm phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn) được hạch toán, tổng hợp vào thu, chi nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo cơ chế tài chính của Kho bạc Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 7 hàng năm) và 1 năm (trước ngày 30 tháng 01 hàng năm), Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước 6 tháng và 1 năm;

b) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7 hàng năm) và 1 năm (trước ngày 15 tháng 01 hàng năm), Sở Tài chính báo cáo Kho bạc Nhà nước tình hình sử dụng tạm ứng ngân quỹ nhà nước 6 tháng và 1 năm theo Mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 05 tháng 7 hàng năm) và 1 năm (trước ngày 10 tháng 01 hàng năm), Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh báo cáo tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thu hồi tạm ứng ngân quỹ nhà nước và số thu phí tạm ứng, phí tạm ứng quá hạn gửi Kho bạc Nhà nước theo Mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Xử lý các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn hoặc sử dụng sai mục đích phê duyệt

1. Đối với các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước đã quá hạn hoàn trả

a) Ngân sách trung ương

Khi đến hạn hoàn trả tạm ứng mà khoản tạm ứng chưa được hoàn trả đầy đủ, Kho bạc Nhà nước có công văn gửi Vụ Ngân sách Nhà nước thông báo về việc khoản tạm ứng đã quá hạn hoàn trả để Vụ Ngân sách Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phương án xử lý;

b) Ngân sách cấp tỉnh

- Khi đến hạn hoàn trả tạm ứng mà khoản tạm ứng chưa được hoàn trả đầy đủ, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh có công văn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc khoản tạm ứng đã quá hạn hoàn trả và mức phí tạm ứng quá hạn.

- Sau 01 tháng kể từ ngày đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng chưa được hoàn trả, Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để có công văn thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trích tồn quỹ ngân sách tỉnh để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn; giao Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện trích từ quỹ ngân sách cấp tỉnh theo thông báo của Bộ Tài chính để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn.

2. Đối với các khoản tạm ứng cho ngân sách cấp tỉnh sử dụng không đúng mục đích đã được phê duyệt

a) Trường hợp khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh được sử dụng không đúng mục đích Bộ Tài chính đã phê duyệt, Kho bạc Nhà nước (trung ương) chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh dừng giải ngân số tạm ứng ngân quỹ nhà nước chưa rút; đồng thời, báo cáo Bộ Tài chính quyết định về việc thu hồi tạm ứng trước hạn và có công văn thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh về khoản tạm ứng sử dụng không đúng mục đích, số vốn tạm ứng chưa rút còn lại (nếu có) bị hủy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn hoàn trả ngay số ngân quỹ nhà nước đã sử dụng sai mục đích. Thời hạn hoàn trả chậm nhất là 01 tháng kể từ ngày ra công văn thông báo của Bộ Tài chính;

b) Hết thời hạn hoàn trả mà Ủy ban nhân dân tỉnh chưa hoàn trả khoản tạm ứng, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính để có công văn thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trích tồn quỹ ngân sách tỉnh để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn (nếu có); giao Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện trích từ quỹ ngân sách tỉnh theo thông báo của Bộ Tài chính để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn (nếu có). Phí tạm ứng quá hạn được tính kể từ thời điểm hết thời hạn hoàn trả chậm nhất của khoản tạm ứng sử dụng không đúng mục đích.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức liên quan đến việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Bộ Tài chính

a) Quyết định việc tạm ứng, mức tạm ứng, thời hạn tạm ứng, tiến độ rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh;

b) Quyết định việc gia hạn tạm ứng cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

c) Quyết định phương án xử lý khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương quá hạn hoàn trả; việc trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

d) Định kỳ 6 tháng và 1 năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước.

2. Vụ Ngân sách Nhà nước (Bộ Tài chính)

a) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phương án xử lý khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương quá hạn hoàn trả;

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện việc tạm ứng, hoàn trả tạm ứng, phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương theo quy định;

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định việc tạm ứng, gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh; trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi tạm ứng ngân quỹ nhà nước, phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước và phí tạm ứng quá hạn.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chịu trách nhiệm thực hiện việc tạm ứng và sử dụng ngân quỹ nhà nước được tạm ứng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc công văn phê duyệt việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đúng mục đích đã được Bộ Tài chính phê duyệt;

b) Chỉ đạo Sở Tài chính hoàn trả tạm ứng, thanh toán phí tạm ứng, phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Thực hiện việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước, chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu tại Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh; quản lý và sử dụng vốn tạm ứng theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh trong việc tạm ứng, hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn (nếu có) theo đúng quy định;

c) Báo cáo tình hình sử dụng vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho Kho bạc Nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

5. Kho bạc Nhà nước

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định việc tạm ứng; gia hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh; trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Quản lý và sử dụng phí tạm ứng, phí tạm ứng quá hạn ngân quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ 6 tháng và 1 năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 12 Thông tư này;

đ) Hạch toán kế toán các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

6. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh

a) Căn cứ Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước do Sở Tài chính lập, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện giải ngân vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh theo đúng quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 7 Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành;

b) Đôn đốc (bằng văn bản) Sở Tài chính bố trí nguồn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

c) Tính phí tạm ứng, phí tạm ứng quá hạn và thực hiện trích từ quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi tạm ứng, phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư này;

d) Hạch toán kế toán các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thu hồi tạm ứng ngân quỹ nhà nước và số thu phí tạm ứng, phí tạm ứng quá hạn cho Kho bạc Nhà nước theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng thực hiện rút vốn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc rút vốn tạm ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng thực hiện rút vốn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước được gia hạn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được áp dụng mức phí tạm ứng và phí tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 6 năm 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 162/2012/TT-BTC ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 62/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 162/2012/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

Mẫu 01 - Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BTC-NSNN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY RÚT VỐN TẠM ỨNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch)

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương, đề nghị Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ:.....

Nơi nhận:	**TL. BỘ TRƯỞNG**
- Như trên;	**VỤ TRƯỞNG VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**
- Lưu: VT, NSNN.	*(Ký tên, đóng dấu)*

Phần KBNN ghi	**KBNN ghi:**
Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương: - Số tiền bằng số:..... - Số tiền bằng chữ:..... Bộ phận kế toán ghi sổ ngày:.....	- Nợ TK:..... - Có TK:.....

KẾ TOÁN	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký tên)	*(Ký tên)*	**SỞ GIAO DỊCH KBNN** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 02 - Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../STC-...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY RÚT VỐN TẠM ỨNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố...;

Căn cứ tổng dư nợ vay của ngân sách tỉnh/thành phố đến ngày... tháng... năm... là... đồng[1];

Căn cứ dư nợ vay để bù đắp bội chi của ngân sách tỉnh/thành phố trong năm.... đến ngày... tháng... năm... là... đồng; trong đó, dư nợ các khoản vay ngắn hạn là... tỷ đồng[2];

Căn cứ nhu cầu vốn hiện nay của ngân sách tỉnh/thành phố...;

Sở Tài chính... đề nghị Kho bạc Nhà nước... thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố...:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ:.....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,...	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phần KBNN ghi	**KBNN ghi:**
Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố.....: - Số tiền bằng số:..... - Số tiền bằng chữ:..... Bộ phận kế toán ghi sổ ngày:.....	- Nợ TK:..... - Có TK:.....

KẾ TOÁN	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký tên)	*(Ký tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Số liệu tính đến ngày đề nghị rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước.
Không điền mục này trong trường hợp Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước hoàn trả trong năm ngân sách.

[2] Số liệu tính đến ngày đề nghị rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước.
Không điền mục này trong trường hợp Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước hoàn trả trong năm ngân sách.

Mẫu 03 - Báo cáo tình hình sử dụng vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-STC	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Tình hình sử dụng vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước
Kỳ báo cáo:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án sử dụng nguồn vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước	Mức vốn phân bổ cho dự án từ nguồn tạm ứng ngân quỹ nhà nước	Số vốn đã thanh toán cho dự án từ nguồn tạm ứng ngân quỹ nhà nước
1			
2			
...			
Tổng số			

Nơi nhận:
- Kho bạc Nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố....;
- Lưu: VT,....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 04 - Báo cáo tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC **KHO BẠC NHÀ NƯỚC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-KB...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước
Kỳ báo cáo:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	**Tình hình tạm ứng vốn** - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ		Ghi chi tiết ngày của từng lần rút và hoàn trả tạm ứng vốn trong kỳ
	- Số thu hồi trong kỳ - Số dư cuối kỳ		
2	**Tình hình thu phí tạm ứng** - Số phải thu đầu kỳ - Số phí tạm ứng trong hạn phát sinh trong kỳ		
	- Số phí tạm ứng quá hạn phát sinh trong kỳ - Số đã thu trong kỳ - Số phải thu cuối kỳ		

Nơi nhận: - Kho bạc Nhà nước; - Lưu: VT,...	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*